TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 29-9-2017.
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Việt Triều.

Ông Nguyễn Hồng Phúc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung tham gia phiên tòa: Bà Lâm Kiều Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2017/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2017 "Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ đăng ký HKTT: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh S.

Địa chỉ đang cư trú: Ấp S, xã A, huyện C, tỉnh S.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ đăng ký HKTT: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh S.

Địa chỉ đang cư trú: Ấp S, xã A, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D kết hôn vào ngày 20/12/2004, kết hôn trên sự tự nguyện của anh chị, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Sau khi kết hôn chị L và anh D chung sống hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cãi vã qua lại, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh chị sống ly thân từ tháng 8 năm 2016 cho đến nay, nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh D có 02 người con chung tên Nguyễn Tấn Dư, sinh ngày 07/02/2006 và Nguyễn Văn Út Nhiều, sinh ngày 25/11/2012, hiện nay cháu Dư và cháu Nhiều đang sống chung với anh D. Chị L thống nhất cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dư và cháu Nhiều, chị L sẽ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh D có tài sản chung, nhưng anh chị đã tự thỏa thuận chia xong, nên chị L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị L xác định chị và anh D không có nợ chung, nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Hồng L vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị L kết hôn vào ngày 20/12/2004, kết hôn trên sự tự nguyện của anh chị, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cãi vã qua lại, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh chị sống ly thân từ tháng 8 năm 2016 cho đến nay, nhưng anh D cho rằng còn thương chị L nên không thống nhất ly hôn với chị L, yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh D và chị L có 02 người con chung tên Nguyễn Tấn Dư, sinh ngày 07/02/2006 và Nguyễn Văn Út Nhiều, sinh ngày 25/11/2012, hiện nay cháu Dư và cháu Nhiều đang sống chung với anh D. Anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dư và cháu Nhiều, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh D và chị L có tài sản chung, nhưng anh chị đã tự thỏa thuận chia xong, nên anh D không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh D xác định anh và chị L không có nợ chung, nên anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn vào ngày 20/12/2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, nên hôn nhân của chị L và anh D là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2016 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên anh chị chung sống không được hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì anh chị không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2016 cho đến nay. Anh D cho rằng còn thương chị L, nên yêu cầu được đoàn tụ, nhưng từ khi sống ly thân cho đến nay anh không gặp chị L để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Xét thấy, hiện nay hôn nhân của chị L và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh D. Chị L yêu cầu được ly hôn với anh D là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị L được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Nguyễn Văn D có 02 người con chung tên Nguyễn Tấn Dư, sinh ngày 07/02/2006 và Nguyễn Văn Út Nhiều, sinh ngày 25/11/2012. Từ khi chị L và anh D sống ly thân cho đến nay anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dư và cháu Nhiều. Chị L và anh D cùng thỏa thuận cho anh D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Dư và cháu Nhiều cho đến khi cháu Dư và cháu Nhiều thành niên; nguyện vọng của cháu Dư (hiện nay 11 tuổi) cũng muốn được tiếp tục sống với anh D. Xét thấy, việc chị L và anh D thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu Dư và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Dư và cháu Nhiều. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận việc thỏa thuận của chị L và anh D, xử giao cháu Dư và cháu Nhiều cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Dư và cháu Nhiều thành niên. Do anh D không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nên chị L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị L, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Nguyễn Văn D xác định anh chị đã tự thỏa thuận chia tài sản chung xong, không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Nguyễn Văn D xác định anh chị không có nợ chung, không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Nguyễn Thị Hồng L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001192 ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy chị L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn D không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến:

- Trong vụ án này, từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Tấn Dư, sinh ngày 07/02/2006 và Nguyễn Văn Út Nhiều, sinh ngày 25/11/2012 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Dư và cháu Nhiều thành niên. Chị L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị L, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Nguyễn Văn D không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001192 ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy chị L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn D không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn anh Nguyễn Văn D không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Liên Lâm Anh Thảo